

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2024

V/v "ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy;

2. Ông Bùi Văn Huỳnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên;

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2023/TLST-HNGĐ ngày 10-08-2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20-02-2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ A, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (tổ D cũ); chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ A, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (tổ G cũ); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*1. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25-6-2023, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nhận ngày 27-7-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hữu L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 11-7-2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó vì quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị cùng hai con về sống tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vợ chồng ly thân từ 2018 đến nay. Từ năm 2018 đến nay một mình chị chăm lo đời sống cho 2 con từ vật chất cho đến tinh thần, anh Nguyễn Hữu L không có trách nhiệm, không quan tâm gì đến cuộc sống của vợ con cũng như không phụ cấp gì cho các con. Chị nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng anh chị ngày một nghiêm trọng hơn, không thể hàn gắn được, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

Về quan hệ con chung: Chị và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc An D, sinh ngày 28-9-2015; Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18-02-2018; hiện nay các con đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Tuấn K, còn anh Nguyễn Hữu L nuôi cháu Nguyễn Ngọc An D; không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*2. Bị đơn anh Nguyễn Hữu L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.*

*3. Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị N được ly hôn anh L; giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18-02-2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Ngọc An D, sinh ngày 28-9-2015 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; người không trực tiếp

nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hữu L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11-7-2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các tình tiết, sự kiện mà chị N đưa ra, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào Đơn khởi kiện và trình bày của chị N thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vã nhau dẫn đến tình cảm không còn. Từ năm 2018, chị N dẫn các con về T sống, anh L không quan tâm gì đến vợ con, không phụ cấp để nuôi con.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ trình bày của chị N về tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.3] Chị N và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc An D, sinh ngày 28-9-2015 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18-02-2018, hiện đang sống cùng chị N; cháu D có nguyện vọng muốn ở với ba, tuy nhiên anh L không đến Tòa án để trình bày về quan hệ hôn nhân, điều kiện nuôi con; mặt khác, theo chị N trình bày anh L không có tình cảm với con, từ 2018 đến nay, anh L không quan tâm, không chu cấp nuôi con cùng chị; từ năm 2018 đến nay, các cháu sống cùng chị N, được chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; để không làm xáo trộn sinh hoạt, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu D, K cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.800.000 đồng/tháng (900.000 đồng/tháng/cháu) từ tháng 4-2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.4] Chị N không yêu cầu giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Chị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; anh L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có một phần có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu L.
2. Giao cháu Nguyễn Ngọc An D, sinh ngày 28-9-2015 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18-02-2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hữu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Anh Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.800.000 đồng (*một triệu, tám trăm nghìn đồng*)/tháng (900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*)/tháng/cháu) từ tháng 4-2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006263 ngày 07-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND p. L, thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hồng Ánh**